**MỘT SỐ VẤN ĐỀ DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý**

**KHI BỊ LẬP BIÊN BẢN VÀ RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VPHC**

Nguyễn Thanh Hà

Phó cục trưởng Cục Quản lý,

xử lý vi phạm hành chính

và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp

**1. Hành vi vi phạm hành chính**

Hiện nay, các vi phạm pháp pháp luật trong xã hội vô cùng đa dạng, nếu căn cứ vào tính chất và đặc điểm của chủ thể, khách thể của hành vi vi phạm, vi phạm pháp luật có thể được chia thành vi phạm pháp luật hình sự (tội phạm), vi phạm pháp luật dân sự (vi phạm dân sự), vi phạm kỷ luật nhà nước (vi phạm kỷ luật) và vi phạm pháp luật hành chính (vi phạm hành chính). Trong các loại vi phạm pháp luật nêu trên, thì vi phạm pháp luật hình sự (tội phạm) là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội lớn hơn so với các vi phạm pháp luật khác; còn vi phạm hành chính (VPHC) là loại vi phạm phổ biến nhất trong đời sống hiện nay. Thời gian vừa qua, cùng với sự phát triển của đất nước, VPHC diễn ra trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, ngày càng gia tăng về số lượng, đa dạng về loại hình với tính chất, mức độ ngày càng tinh vi, phức tạp và nghiêm trọng hơn. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp cần lưu ý quyền và nghĩa vụ của mình khi bị xử phạt VPHC:

a) Tự phân tích, đánh giá vụ việc vi phạm hành chính

 Khi vụ việc có dấu hiệu vi phạm VPHC, người có thẩm quyền sẽ phân tích, đánh giá nội dung, điều kiện hoàn cảnh sự kiện thực tế cần áp dụng pháp luật. Về nguyên tắc, vi phạm hành chính là sự kiện pháp lý và là cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý, tức là quá trình áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, ở giai đoạn này, người có thẩm quyền thụ lý vụ việc sẽ phải xác định chính xác nội dung, đối tượng, bản chất pháp lý của sự kiện thực tế để xác định có hay không có vi phạm hành chính làm cơ sở cho việc áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Nói cách khác, trong giai đoạn này, những yếu tố cấu thành vi phạm hành chính phải được chứng minh, làm rõ để làm căn cứ cho việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý hành chính. Những yếu tố cần được phân tích, đánh giá, làm rõ trong giai đoạn này bao gồm:

- Những yếu tố thuộc về dấu hiệu mặt khách quan của vi phạm hành chính: hành vi (hành động hoặc không hành động) trái với quy định pháp luật về quản lý nhà nước; mức độ thiệt hại hoặc nguy cơ xảy ra thiệt hại cho xã hội do hành vi mang lại; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm cho xã hội... Cần lưu ý rằng, việc xác định hành vi trái pháp luật phải căn cứ vào các quy định pháp luật về quản lý nhà nước đang có hiệu lực tương ứng. Mức độ thiệt hại cho xã hội hoặc nguy cơ xảy ra thiệt hại cho xã hội là những tổn thất về vật chất hoặc tinh thần mà xã hội phải gánh chịu do hành vi trái pháp luật gây ra. Việc đo lường yếu tố này trong thực tế khá phức tạp và thông thường, phải xác thông qua nhiều yếu tố khác như giá trị tang vật, phương tiện vi phạm, quy mô diễn ra vi phạm v.v.. Bên cạnh đó các yếu tố khác như thời gian, địa điểm, phương thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật cũng cần được xác định, đánh giá chính xác để phục vụ cho các giai đoạn sau của quá trình áp dụng pháp luật nếu đủ điều kiện tiếp tục thực hiện, đặc biệt là việc cá thể hóa các biện pháp trách nhiệm pháp lý hành chính phù hợp;

- Những yếu tố thuộc về dấu hiệu mặt chủ quan của vi phạm hành chính: lỗi, động cơ, mục đích của chủ thể (cá nhân, tổ chức) thực hiện hành vi thực tế. Trong lĩnh vực hành chính, về cơ bản lỗi thể hiện dưới hình thức lỗi có ý hoặc lỗi vô ý. Trong trường hợp lỗi cố ý, người thực hiện hành vi vi phạm phải ở trong trạng thái có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vẫn cố tình thực hiện. Nói cách khác, chủ thể vi phạm nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội mà hành vi của mình có thể gây ra và mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra. Trong trường hợp lỗi vô ý, chủ thể vi phạm do cẩu thả, thiếu sự cẩn trọng cần thiết mà không nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra; hoặc mặc dù nhận thức được (tuy không đầy đủ) hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình, nhưng do không đánh giá đúng tình hình thực tế mà cho rằng hậu quả nguy hiểm cho xã hội không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được khi thực hiện hành vi. Ngoài lỗi là dấu hiệu bắt buộc trong mặt chủ quan của mọi vi phạm hành chính, ở một số vi phạm hành chính cụ thể, pháp luật còn quy định dấu hiệu mục đích là dấu hiệu bắt buộc phải có. Trong trường hợp này, để chứng minh vi phạm hành chính này, ngoài việc xem xét, đánh giá các dấu hiệu khác thì cần phải xác định rõ ràng hành vi của cá nhân, tổ chức vi phạm có thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu mục đích hay không. Ví dụ: “hành vi lợi dụng tình hình khan hiếm hàng hóa hoặc tạo ra sự khan hiếm hàng hóa giả tạo trên thị trường để mua vét, mua gom hàng hóa nhằm bán lại thu lợi bất chính” được quy định tại Điều 46 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Chủ thể thực hiện hành vi và năng lực trách nhiệm hành chính của chủ thể thực hiện hành vi: Chủ thể vi phạm hành chính phải là cá nhân hoặc tổ chức có năng lực trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật. Năng lực trách nhiệm hành chính của các chủ thể được xác định căn cứ vào những điều kiện cụ thể do pháp luật quy định. Đối với các chủ thể là cá nhân, thông thường, năng lực trách nhiệm pháp lý được xác định dựa vào độ tuổi và khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của cá nhân đó. Pháp luật hiện hành quy định người không có năng lực trách nhiệm hành chính là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính không bị xử phạt vi phạm hành chính. Tương tự như vậy, người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính .

- Các yếu tố thuộc khách thể của vi phạm hành chính: Khách thể của vi phạm pháp luật là các quan hệ quản lý nhà nước được pháp luật bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại. Tính chất của khách thể phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật. Dấu hiệu khách thể để nhận biết vi phạm hành chính là hành vi vi phạm này đã xâm hại đến trật tự quản lý hành chính nhà nước đã được pháp luật hành chính quy định và bảo vệ. Nói cách khác, khách thể của vi phạm hành chính là các quy định quản lý nhà nước trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trên cơ sở xác minh, làm rõ các yếu tố cấu thành vi phạm hành chính nêu trên, người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật trong trường hợp xác định có vi phạm hành chính xảy ra trong thực tế, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản theo quy định của pháp luật. Theo đó, doanh nghiệp cần tự xác định doanh nghiệp của mình có VPHC hay không.

b) Phân biệt với hành vi vi phạm pháp luật khác

Ở giai đoạn này, việc xác định bản chất pháp lý của vụ việc là rất quan trọng vì nếu xác định bản chất pháp lý không chính xác thì toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật sẽ không chính xác và gây ra hậu quả pháp lý, hậu quả xã hội khôn lường. Chẳng hạn, bản chất pháp lý của hành vi thực tế là tội phạm hình sự nhưng lại xác định là vi phạm hành chính hoặc ngược lại thì hệ quả đem lại là hoàn toàn khác biệt.

Cũng cần lưu ý, trường hợp cần áp dụng pháp luật thì doanh nghiệp phải năm được chủ thể nào có thẩm quyền giải quyết vụ việc đó.

**2. Lập Biên bản vi phạm hành chính**

Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính thì khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản. Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ ở đây được hiểu bao gồm người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và người đang thi hành công vụ. Việc quy định rõ chức danh có thẩm quyền lập biên bản có ý nghĩa rất quan trọng để tránh sự lạm dụng, tùy tiện của các lực lượng chức năng khi tham gia xử phạt vi phạm hành chính, góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương của quản lý nhà nước. Tuy nhiên, Luật xử lý vi phạm hành chính không quy định theo hướng liệt kê cụ thể các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vì trên thực tiễn lực lượng này rất đông đảo do xử phạt vi phạm hành chính diễn ra trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước. Vì vậy, Điều 4 của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định giao Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền lập biên bản trong các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

Trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính, việc lập biên bản vi phạm hành chính chỉ được tiến hành khi đã xác định, chứng minh, làm rõ được các yếu tố cấu thành vi phạm hành chính: hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước được pháp luật quy định là hành vi vi phạm hành chính; thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; cá nhân, tổ chức vi phạm; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có) v.v..

2.1. Khi lập biên bản vi phạm hành chính, người bị xử phạt phải nhất trí và phải ký vào biên bản, nếu có ý kiến cần ghi rõ trong biên bản.

2.2. Biên bản VPHC

Theo thứ tự trình bày tại MBB01, biên bản VPHC được ghi cụ thể như sau:

- Tại Mục cơ quan lập biên bản VPHC - Ghi chú số (1): Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản. Lưu ý là cơ quan quản lý trực tiếp người có thẩm quyền lập biên bản VPHC.

- Tại Mục trích yếu của biên bản VPHC - Ghi chú số (2): Ghi tên lĩnh vực quản lý nhà nước theo tên của nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực cụ thể.

Ví dụ: Nghị định số 95/2013/NĐ-CP quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thì ghi: Biên bản VPHC về lao động bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc Biên bản VPHC về lao động (hoặc bảo hiểm xã hội…) nếu chỉ có hành vi VPHC trong một lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

- Tại Mục địa điểm lập biên bản VPHC - Ghi chú số (3): Ghi địa điểm lập biên bản là nơi xảy ra vi phạm hoặc trụ sở cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản.

+ Địa điểm là nơi xảy ra vi phạm: Khi biên bản được lập tại thời điểm xảy ra và phát hiện VPHC nhằm bảo đảm tính kịp thời, nhanh chóng, công khai, khách quan của việc lập biên bản VPHC.

+ Tại trụ sở của cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản: Khi không xác định được chính xác có hay không có VPHC ngay tại thời điểm phát hiện ra dấu hiệu vi phạm hoặc tại nơi thực hiện hành vi vi phạm và người có thẩm quyền lập biên bản cần có thêm thời gian và các hoạt động nghiệp vụ khác nêu tại ghi chú số (4).

- Tại Mục căn cứ của việc lập biên bản - Ghi chú số (4): Ghi kết luận thanh tra, biên bản làm việc, kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính,....

- Tại Mục thông tin về người có thẩm quyền lập biên bản: Ghi rõ họ và tên, chức vụ, cơ quan quản lý. Thông tin mục này thể hiện rõ ai là người lập biên bản và người đó có thẩm quyền lập biên bản VPHC hay không?

- Tại Mục thông tin về người chứng kiến - Ghi chú số (5): Trường hợp cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải mời 02 người chứng kiến hoặc mời đại diện Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm để chứng kiến. Theo đó, Mục này cần ghi rõ họ và tên người chứng kiến, nơi ở và nghề nghiệp hiện tại của những người này.

- Tại Mục thông tin về cá nhân VPHC: Ghi rõ họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp và nơi ở hiện tại, số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp.

- Tại Mục thông tin về tổ chức VPHC: Ghi rõ tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động, ngày cấp, nơi cấp.

- Tại Mục thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức – Ghi chú số (6): Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; Ghi họ và tên của Chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; Ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

- Tại Mục thông tin về chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức – Ghi chú số (7): Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; Ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; Ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

- Tại Mục thông tin về hành vi VPHC – Ghi chú số (8): Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm,...) đối với vi phạm trên các vùng biển cần ghi rõ tên tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, tọa độ, hành trình).

- Tại Mục thông tin về cơ sở pháp lý của hành vi VPHC – Ghi chú số (9): Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực cụ thể.

- Tại Mục thông tin về cá nhân/tổ chức bị thiệt hai – Ghi chú số (10) và mục 7: Ghi họ và tên, địa chỉ và lời khai của người bị thiệt hại. Trường hợp tổ chức bị thiệt hại, thì ghi họ và tên, chức vụ người đại diện tổ chức bị thiệt hại và tên của tổ chức bị thiệt hại.

- Tại Mục thông tin về ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm: Ghi đầy đủ, ngắn gọn ý kiến của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm đối với hành vi VPHC đã được xác định

- Tại Mục thông tin về ý kiến của người chứng kiến: Ghĩ rõ ý kiến về việc có thấy hay không thấy VPHC hay chỉ chứng kiến người vi phạm không ký biên bản VPHC.

- Tại Mục thông tin về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC - Ghi chú số (11): Ghi cụ thể tên biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC đã được áp dụng

- Tại Mục tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ: Ghi rõ tên tang vật, phương tiện VPHC, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng và ghi chú các đặc điểm cần lưu ý.

- Tại Mục giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ: Ghi rõ tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề, số lượng, tình trạng và ghi chú các đặc điểm cần thiết.

Đồng thời trong biên bản VPHC còn phải có nội dung: Ngoài những tang vật, phương tiện VPHC và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

- Tại Mục thông tin về thời hạn giải trình - Ghi chú số (12): Ghi cụ thể thời hạn giải trình như sau: Không quá 02 ngày làm việc, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm yêu cầu giải trình trực tiếp; Không quá 05 ngày, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm giải trình bằng văn bản.

- Tại Mục thông tin về thời gian lập xong biên bản VPHC: Biên bản lập xong hồi .... giờ .... phút, ngày ..../..../........, gồm .... tờ, được lập thành .... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây

- Tại Mục thông tin về thông tin về người quản ý người chưa thành niên - Ghi chú số (13): Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm. Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha/mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

- Tại Mục thông tin về người có thẩm quyền tiếp nhận văn bản giải trình – Ghi chú số (14): Ghi rõ họ và tên, chức vụ của người có thẩm quyền xử phạt VPHC.

- Tại Mục thông tin về lý do người VPHC không ký biên bản VPHC – Ghi chú số (15): Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan khác....

 Tại Mục ký tên: Các chủ thể phải ký, ghi rõ họ và tên; Riêng người lập biên bản VPHC và đại diện chính quyền ghi rõ chức vụ./.

+ Lưu ý 1: Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

+ Lưu ý 2: Biên bản VPHC phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người nêu trên phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản VPHC.

**3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

3.1 Thời hạn ra quyết định xử phạt

Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính về cơ bản kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 56 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 2002. Tuy nhiên, Luật cũng sửa đổi một số quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt trong các trường hợp thông thường, thời hạn này được rút ngắn hơn so với quy định của Pháp lệnh. Mặt khác, Luật cũng quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về các trường hợp áp dụng thời hạn xem xét ra quyết định xử phạt 30 ngày, 60 ngày để bảo đảm áp dụng thống nhất. Đồng thời đề cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt nhanh chóng, chính xác. Theo đó, thời hạn chung đối với tất cả các trường hợp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày được áp dụng đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61; thời hạn tối đa 60 ngày chỉ được áp dụng đối với những vụ việc vi phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật xử lý vi phạm hành chính mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ. Trong trường hợp tiếp nhận hồ sự vụ vi phạm từ cơ quan tiến hành tố tụng để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, thời hạn để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án kèm theo hồ sơ vụ việc vi phạm; 45 ngày nếu cần xác minh thêm tình tiết để làm căn cứ ra quyết định xử phạt.

Trong quá trình tiến hành hoạt động xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt cần đặc biệt lưu ý về việc chấp hành đúng quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt và thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định của pháp luật. Đối với những vụ việc phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định, do phải thực hiện một số thủ tục hành chính, nhiều trường hợp Quyết định xử phạt được ban hành quá thời hạn Luật định và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực pháp lý của Quyết đinh. Trường hợp này, người được giao thụ lý xử lý vụ việc phải có trách nhiệm theo dõi, tham mưu, hỗ trợ để bảo đảm việc ban hành quyết định xử phạt đúng thời hạn pháp luật quy định.

3.2 Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

So với quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính về các trường hợp ban hành quyết định xử phạt, Điều 67 của Luật xử lý vi phạm hành chính bổ sung trường hợp ban hành 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính và trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức. Quy định này nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong thực tiễn xử phạt và thi hành quyết định xử phạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người có thẩm quyền xử phạt và cá nhân, tổ chức vi phạm tổ chức thi hành quyết định xử phạt.

Nội dung quyết định xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật cơ bản giống Pháp lệnh, tuy nhiên Luật Xử lý vi phạm hành chính bổ sung thêm quy định về thời hạn thi hành quyết định. Thời hạn thi hành quyết định được ghi trong quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt, hoặc có thể nhiều hơn nhưng phải được ghi rõ trong quyết định để thi hành.

Trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính, trước khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bên cạnh việc phải xem xét, phân tích, đánh giá kỹ lưỡng các tình tiết, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc vi phạm hành chính và lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để áp dụng, người có thẩm quyền xử phạt cần lưu ý bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật về những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và phương thức xử lý tương ứng tại Điều 65 của Luật xử vi phạm hành chính như: hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hết thời hạn ra quyết định xử phạt hoặc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm v.v.. Ngoài ra, về nguyên tắc, một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Do vậy, trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền xử phạt phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó” quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền xử phạt và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt. Trường hợp hành vi vi phạm đã bị ra quyết định xử phạt nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm chưa thi hành hoặc đang thi hành quyết định mà sau đó vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó, thì hành vi vi phạm này được coi là hành vi vi phạm mới và việc xử phạt vi phạm hành chính sẽ được tiến hành theo thủ tục pháp luật quy định.

**TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN**

**1. Tình huống: Xác định VPHC**

- Tình huống số 01: Xác định vụ việc là VPHC hay có dấu hiệu tội phạm

Thông tin vụ việc: Tháng 2/2016, ông Nguyễn Văn A thực hiện hành vi vận chuyển lâm sản, theo lời khai của ông Nguyễn Văn A thì đây là gỗ Kháo, hồ sơ lâm sản cũng thể hiện tang vật vi phạm là gỗ Kháo như lời khai của ông Nguyễn Văn A. Để xác định chắc chắn chủng loại gỗ, cơ quan có thẩm quyền đã trưng cầu giám định đồng thời tiến hành đo kiểm khối lượng gỗ thực tế. Qua kiểm đếm thì lâm sản này có khối lượng là 13m3, theo kết luận giám định cho thấy đây là gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm hiếm thuộc nhóm IIA. Do hồ sơ lâm sản và lâm sản thực tế không khớp nhau nên việc vận chuyển lâm sản này là trái pháp luật (căn cứ hồ sơ không hợp pháp). Vậy vụ việc này sẽ bị xử phạt VPHC hay chuyển cho cơ quan tố tụng hình sự (cơ quan điều tra)?

**- Tình huống số 02: Xác định vụ việc vi phạm có phải là VPHC không?**

+ Thông tin vụ việc: Trên cơ sở thông tin vụ việc tại tình huống số 01 đã nêu, việc tạm giữ lâm sản bị vận chuyển trái phép (13 mét khối gỗ gù hương) diễn ra vào tháng 2/2016. Sau khi bị cơ quan chức năng bắt giữ, nhận thấy hành vi vi phạm của đối tượng có dấu hiệu tội phạm (gỗ gù hương với khối lượng là 13 mét khối, vượt quá mức tối đa xử phạt hành chính – 10 mét khối), nên cơ quan chức năng đã chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan tiến hành tố tụng để xử lý. Tháng 7/2017, sau khi xem xét hồ sơ, cơ quan tiến hành tố tụng kết luận không đủ căn cứ để khởi tố hình sự và chuyển hồ sơ để xử lý VPHC.

Trường hợp này, người có thẩm quyền có thể xử phạt VPHC về hành vi mua bán lâm sản trái pháp luật theo quy định hay không?

**2. Tình huống: Xác định chủ thể có thẩm quyền lập biên bản, cần căn cứ vào các quy định cụ thể tại Nghị định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.**

Ví dụ 1:

- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP, tại Điều 100 quy định thẩm quyền lập biên bản VPHC như sau: “Những người có thẩm quyền xử phạt VPHC quy định từ Điều 101 đến Điều 103 của Nghị định này có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, lập biên bản VPHC đối với hành vi VPHC quy định tại Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

=> Trường hợp này, chỉ những người có thẩm quyền xử phạt VPHC mới có thẩm quyền lập biên bản VPHC

- Điều 100 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo Nghị định số 124/2015/NĐ-CP quy định như sau: Những người có thẩm quyền xử phạt VPHC quy định từ Điều 101 đến Điều 103 của Nghị định này và Trinh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản VPHC đối với hành vi VPHC quy định tại Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”

=> Trường hợp này, ngoài người có thẩm quyền xử phạt thì Trinh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản VPHC theo chứng năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao

Ví dụ 2:

Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, tại Điều 56 Quy định về biên bản, thẩm quyền lập biên bản và quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản VPHC

- Người có thẩm quyền xử phạt VPHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đang thi hành công vụ

- Công chức, viên chức đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường và Ban Quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Công chức đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường của ngành mình quản lý thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ;

- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý;

- Chiến sĩ công an nhân dân, công an xã, phường, thị trấn và cán bộ trật tự công cộng đang thi hành nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ môi trường tại các khu đô thị, khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng;

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ban quản lý rừng, Ban quản lý các vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

=> Trường hợp, các chủ thể nêu trên trong Nghị định số 155/2016/NĐ-CP có thẩm quyền lập biên bản VPHC

Câu hỏi: Trường hợp người không có thẩm quyền lập biên bản (bao gồm cả trường hợp không có thẩm quyền lập biên bản đối với lĩnh vực khác) mà lại thực hiện việc lập biên bản VPHC thì xử lý như thế nào?

**4. Một số câu hỏi thảo luận**

Câu hỏi số 1. QĐXP có hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề áp dụng đối với VPHC, vậy anh/chị cho biết, thời điểm bắt đầu tính tời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề là thời điểm nào?

Câu hỏi số 2. Tiếp theo câu hỏi số 01, trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép thì xác định hành vi đó là hành vi gì, hướng xử lý?

Câu hỏi số 3:Đối với một VPHC, người có thẩm quyền có thể ban hành QĐXP chỉ áp dụng một biện pháp KPHQ hay đồng thời nhiều biện pháp KPHQ?